

UBND TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Số: 231/QĐ-CDYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả xếp loại rèn luyện

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH

Căn cứ Quyết định 1595/QĐ-LĐTBOXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-CDYT ngày 20/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh về Quy chế công tác học sinh, sinh viên;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên ngày 24/9/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Hợp tác quốc tế - Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện cho các lớp CD D6A5 học kỳ 2; năm học 2023 - 2024, CD D6A2,4,5, CD D7A2,4,5; CD DD7A2 học kỳ 1; năm học 2024 - 2025 CD D6A3,5, CD D7A3 học kỳ 2; năm học 2024 - 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà trưởng phòng: Tài chính - Hợp tác quốc tế - Quản lý sinh viên, Quản lý đào tạo - Nghiên cứu khoa học, Giáo viên chủ nhiệm các lớp và học sinh, sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, BP. QLSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đào Duy Trường



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CĐ D6A5

HỌC KỲ 2; NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường

Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA52301	Nguyễn Thị Chinh	20/2/1993	Tốt
2	DSA52305	Nguyễn Thị Chung	14/3/1992	Khá
3	DSA52309	Nguyễn Thị Đào	25/11/1983	Khá
4	DSA52303	Vũ Thị Hạnh	28/7/1988	Khá
5	DSA52317	Nguyễn Thị Hoạt	12/4/1979	Khá
6	DSA52316	Nguyễn Thị Hồng	27/12/1992	Khá
7	DSA52322	Lại Thị Hồng	20/7/1991	Khá
8	DSA52313	Nguyễn Thị Hương	7/10/1985	Khá
9	DSA52307	Dương Thị Huyền	15/6/1988	Tốt
10	DSA52306	Nguyễn Thị Lành	16/11/1987	Khá
11	DSA52323	Vũ Thị Mai	14/4/1994	Khá
12	DSA52310	Nguyễn Thị Ngọc	25/12/1991	Khá
13	DSA52312	Phùng Thị Nguyệt	1/10/1988	Khá
14	DSA52315	Dương Thị Thu Nhã	27/12/1991	Khá
15	DSA52318	Nguyễn Thị Phương	3/3/1989	Khá
16	DSA52321	Phạm Thị Thảo	12/1/1983	Khá
17	DSA52320	Nguyễn Thị Thuý	15/3/1986	Khá
18	DSA52308	Nguyễn Thị Tiệp	9/2/1985	Khá
19	DSA52304	Nguyễn Xuân Tuấn	17/11/1994	Khá
20	DSA52311	Lê Thị Tuyết	10/5/1986	Khá
21	DSA52314	Nguyễn Thị Vân	11/10/1991	Khá
22	DSA52319	Trần Hồng Vân	11/11/1988	Khá
23	DSA52302	Nguyễn Thị Hải Yến	6/8/1993	Khá



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CĐ D6A5
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường
Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA52301	Nguyễn Thị Chinh	20/2/1993	Tốt
2	DSA52305	Nguyễn Thị Chung	14/3/1992	Tốt
3	DSA52309	Nguyễn Thị Đào	25/11/1983	Tốt
4	DSA52303	Vũ Thị Hạnh	28/7/1988	Tốt
5	DSA52317	Nguyễn Thị Hoạt	12/4/1979	Tốt
6	DSA52316	Nguyễn Thị Hồng	27/12/1992	Tốt
7	DSA52322	Lại Thị Hồng	20/7/1991	Tốt
8	DSA52313	Nguyễn Thị Hương	7/10/1985	Tốt
9	DSA52307	Dương Thị Huyền	15/6/1988	XS
10	DSA52306	Nguyễn Thị Lành	16/11/1987	Tốt
11	DSA52323	Vũ Thị Mai	14/4/1994	Tốt
12	DSA52310	Nguyễn Thị Ngọc	25/12/1991	Tốt
13	DSA52312	Phùng Thị Nguyệt	1/10/1988	Tốt
14	DSA52315	Dương Thị Thu Nhã	27/12/1991	Tốt
15	DSA52318	Nguyễn Thị Phương	3/3/1989	Tốt
16	DSA52321	Phạm Thị Thảo	12/1/1983	Tốt
17	DSA52320	Nguyễn Thị Thuý	15/3/1986	Tốt
18	DSA52308	Nguyễn Thị Tiệp	9/2/1985	Tốt
19	DSA52304	Nguyễn Xuân Tuấn	17/11/1994	Tốt
20	DSA52311	Lê Thị Tuyết	10/5/1986	Tốt
21	DSA52314	Nguyễn Thị Vân	11/10/1991	Tốt
22	DSA52319	Trần Hồng Vân	11/11/1988	Tốt
23	DSA52302	Nguyễn Thị Hải Yến	6/8/1993	Tốt



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CD D6A5
HỌC KỲ 2; NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA52301	Nguyễn Thị Chinh	20/2/1993	Tốt
2	DSA52305	Nguyễn Thị Chung	14/3/1992	Khá
3	DSA52309	Nguyễn Thị Đào	25/11/1983	Tốt
4	DSA52303	Vũ Thị Hạnh	28/7/1988	Khá
5	DSA52317	Nguyễn Thị Hoạt	12/4/1979	Khá
6	DSA52316	Nguyễn Thị Hồng	27/12/1992	Khá
7	DSA52322	Lại Thị Hồng	20/7/1991	Khá
8	DSA52313	Nguyễn Thị Hương	7/10/1985	Tốt
9	DSA52307	Dương Thị Huyền	15/6/1988	Tốt
10	DSA52306	Nguyễn Thị Lành	16/11/1987	Khá
11	DSA52323	Vũ Thị Mai	14/4/1994	Khá
12	DSA52310	Nguyễn Thị Ngọc	25/12/1991	Khá
13	DSA52312	Phùng Thị Nguyệt	1/10/1988	Khá
14	DSA52315	Dương Thị Thu Nhã	27/12/1991	Khá
15	DSA52318	Nguyễn Thị Phương	3/3/1989	Khá
16	DSA52321	Phạm Thị Thảo	12/1/1983	Khá
17	DSA52320	Nguyễn Thị Thuý	15/3/1986	Khá
18	DSA52308	Nguyễn Thị Tiệp	9/2/1985	Khá
19	DSA52304	Nguyễn Xuân Tuấn	17/11/1994	Khá
20	DSA52311	Lê Thị Tuyết	10/5/1986	Khá
21	DSA52314	Nguyễn Thị Vân	11/10/1991	Tốt
22	DSA52319	Trần Hồng Vân	11/11/1988	Khá
23	DSA52302	Nguyễn Thị Hải Yên	6/8/1993	Tốt



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CD D6A2
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA22319	Vũ Thị Mai Anh	12/4/1992	Khá
2	DSA22302	Nguyễn Thị Kim Dung	22/8/1990	Tốt
3	DSA22303	Đàm Thị Hà	20/7/1996	Khá
4	DSA22314	Nguyễn Thị Hải	9/7/1983	Khá
5	DSA22306	Nguyễn Thị Hằng	26/11/1995	Khá
6	DSA22311	Bùi Thị Hạnh	11/8/1999	Khá
7	DSA22310	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/10/2004	Khá
8	DSA22313	Nguyễn Thị Hoài Linh	20/3/2002	Khá
9	DSA22312	Nguyễn Đức Cao Long	28/3/2000	Yếu
10	DSA22309	Hoàng Khánh Ly	13/9/2005	Tốt
11	DSA22308	Nguyễn Thị Ngân	4/4/1999	Khá
12	DSA22315	Hoàng Lê Uyên Nhi	3/10/2003	Khá
13	DSA22301	Đoàn Thị Nhung	2/10/1995	Tốt
14	DSA22305	Vũ Hà Phương	7/4/2004	Khá
15	DSA22304	Nguyễn Thị Hồng Vân	19/9/2003	Khá
16	DSA22317	Dương Thị Xuân	18/5/1997	Khá



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CD D6A4
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường
Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA42312	Bùi Thị Vân Anh	13/1/2002	Khá
2	DSA42301	Hoàng Thị Bắc	13/2/1990	Khá
3	DSA42318	Nguyễn Thị Chi	7/4/1990	Khá
4	DSA42305	Phạm Thị Dung	7/7/1993	Khá
5	DSA42314	Trần Thị Giang	10/1/1995	Khá
6	DSA42302	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/12/1986	Khá
7	DSA42326	Phùng Đức Hoàng	28/11/1996	Tốt
8	DSA42316	Nguyễn Thị Hồng	1/10/1982	Khá
9	DSA42310	Nguyễn Quang Hợp	27/7/1987	Khá
10	DSA42313	Ngô Thị Hường	21/11/1989	Khá
11	DSA42317	Nguyễn Kim Ký	18/8/1995	Khá
12	DSA42321	Nguyễn Thị Lơ	12/5/1997	Khá
13	DSA42303	Nguyễn Thị Lụa	16/7/1991	Khá
14	DSA42306	Vũ Thị Nam	17/10/1990	Khá
15	DSA42319	Vũ Thị Vân Ngà	26/2/1988	Khá
16	DSA42325	Nguyễn Thị Ngọc	2/2/1999	Khá
17	DSA42324	Nguyễn Thành Nguyên	14/5/1996	Khá
18	DSA42309	Nguyễn Thị Phương	19/12/1992	Khá
19	DSA42307	Nguyễn Thị Quý	31/10/1993	Khá
20	DSA42328	Nguyễn Thị Quyên	4/5/1990	Khá
21	DSA42311	Nguyễn Tiến Thịnh	25/10/2002	Tốt
22	DSA42308	Dương Thị Phương Thuý	8/8/1990	Khá
23	DSA42304	Lê Thu Thuỷ	10/8/2001	Khá
24	DSA42320	Chu Tam Tuấn	9/11/1978	Khá
25	DSA42327	Hoàng Thu Thanh	6/9/1998	Khá



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CĐ D7A2
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA22429	Nguyễn Kim Chi	28/5/2005	TB
2	DSA22408	Nguyễn Tiến Chính	20/12/2004	XS
3	DSA22403	Đào Thị Huệ	18/8/1989	Tốt
4	DSA22428	Đỗ Văn Hùng	6/7/1996	Tốt
5	DSA22402	Nguyễn Thị Thành	1/6/1997	XS
6	DSA22401	Nguyễn Thị Thảo	30/1/1998	Tốt



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CĐ D7A4
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường
Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA42402	Nguyễn Văn Cần	10/5/1988	XS
2	DSA42446	Nguyễn Thị Thùy Dương	24/3/1984	Tốt
3	DSA42447	Đỗ Tiến Đạt	2/11/1990	Tốt
4	DSA42416	Dương Thị Hải	3/11/1997	Tốt
5	DSA42441	Nguyễn Thị Hằng	1/6/2000	Tốt
6	DSA42417	Trần Thị Hằng	9/4/1998	Tốt
7	DSA42407	Đặng Thị Hoài	12/9/2000	Tốt
8	DSA42449	Ngô Trọng Khánh	27/1/1983	Tốt
9	DSA42418	Nguyễn Thị Lan	24/4/1998	Tốt
10	DSA42405	Hoàng Thị Liễu	8/9/1992	Tốt
11	DSA42452	Nguyễn Công Minh	25/1/2003	Tốt
12	DSA42444	Phạm Thị Nga	8/7/1990	XS
13	DSA42451	Nguyễn Thị Như Ngọc	5/8/2001	Tốt
14	DSA42440	Nguyễn Văn Phúc	2/8/1994	Tốt
15	DSA42439	Ngô Thị Tuyết Sinh	30/1/1988	Tốt
16	DSA42443	Nguyễn Thúy Sinh	3/3/1979	Tốt
17	DSA42403	Ma Thị Tâm	9/6/1991	Tốt
18	DSA42448	Nguyễn Văn Tuyển	2/10/1983	Tốt
19	DSA42406	Nguyễn Thị Yến	16/5/2001	Tốt



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CĐ D7A5

HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường

Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA52428	Nguyễn Thị Lan Anh	1/5/1984	Tốt
2	DSA52435	Nguyễn Văn Cần	4/1/1979	Tốt
3	DSA52427	Nguyễn Thị Hiền	29/9/1991	Tốt
4	DSA52404	Lê Thị Hồng	3/11/1991	XS
5	DSA52415	Vũ Thị Hương	20/2/1990	Tốt
6	DSA52414	Nguyễn Thị Ngọc	19/1/1990	Tốt
7	DSA52431	Trần Thị Oanh	12/11/1987	Tốt
8	DSA52429	Nguyễn Đức Phương	28/8/1988	XS
9	DSA52403	Trần Thị Quyên	3/2/1984	Tốt
10	DSA52433	Nguyễn Văn Sản	8/10/1981	XS
11	DSA52417	Trần Thị Tâm	21/3/1993	Tốt
12	DSA52430	Nguyễn Tuấn Thành	13/9/1982	Tốt
13	DSA52434	Vũ Mạnh Thắng	17/6/1979	Tốt
14	DSA52402	Hà Thị Thu	7/10/1992	Tốt
15	DSA52432	Nguyễn Thị Trang	7/7/1996	Tốt
16	DSA52426	Ninh Thị Hồng Trang	28/4/1993	Tốt
17	DSA52416	Đỗ Thị Thu Vân	30/9/1992	Tốt
18	DSA52401	Nguyễn Thị Vượng	28/5/1980	Tốt



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CĐ ĐD7A2

HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường

Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DDA22430	Nguyễn Thị Hà	30/7/1980	Khá
2	DDA22424	Nguyễn Thị Hiền	21/11/1981	Khá
3	DDA22426	Phạm Thị Hiền	25/7/1989	Khá
4	DDA22401	Triệu Thị Huyền	8/10/1991	Khá
5	DDA22425	Hoàng Thị Thúy Hương	12/10/1995	Khá
6	DDA22402	Nguyễn Thị Kim	24/6/1990	Tốt
7	DDA22414	Nguyễn Thị Nga	11/5/1985	Khá
8	DDA22412	Nguyễn Thị Ngọc	26/4/1986	Khá
9	DDA22405	Nguyễn Thị Hạnh Nhi	11/12/1996	Khá
10	DDA22428	Đỗ Thị Phụng	1/11/1993	Khá
11	DDA22408	Nguyễn Xuân Quát	10/3/1982	Tốt
12	DDA22409	Nguyễn Thị Thắm	17/10/1993	Khá
13	DDA22403	Phan Thị Thi	8/1/1995	Tốt
14	DDA22427	Nguyễn Thị Thu	15/7/1993	Khá
15	DDA22410	Nguyễn Thị Thủy	15/3/1979	Khá
16	DDA22429	Đỗ Thị Trang	24/11/1992	Khá
17	DDA22404	Dương Thị Vân	4/4/1988	Khá



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CD D6A3
HỌC KỲ 2; NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường

Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA32309	Nguyễn Thị Việt Chinh	23/11/1997	Tốt
2	DSA32333	Dương Văn Đại	12/2/1984	Tốt
3	DSA32322	Nguyễn Tiến Đạt	5/9/1994	Tốt
4	DSA32326	Nguyễn Thị Thuý Hà	8/2/1987	XS
5	DSA32323	Phạm Thị Khánh Hòa	27/8/1996	Tốt
6	DSA32311	Nguyễn Thị Hương	28/6/1994	Tốt
7	DSA32303	Đặng Thị Huyền	17/11/1995	Tốt
8	DSA32324	Nguyễn Việt Kháng	29/11/1978	XS
9	DSA32329	Đoàn Thị Khánh	7/8/1987	Tốt
10	DSA32330	Đoàn Trắc Khoa	19/8/1990	Tốt
11	DSA32328	Cà Thị Lan	8/10/1996	XS
12	DSA32307	Trần Văn Long	30/8/1988	Tốt
13	DSA32321	Nguyễn Thị Hồng Nga	1/5/1995	Tốt
14	DSA32317	Nguyễn Thị Ngân	9/7/1989	XS
15	DSA32312	Vũ Thị Ngoan	23/7/1987	Tốt
16	DSA32319	Nguyễn Thị Ngọc	25/5/1984	Tốt
17	DSA32310	Nguyễn Thị Nhung	5/11/1995	Tốt
18	DSA32331	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	2/9/1979	XS
19	DSA32306	Nguyễn Văn Sáng	13/10/1990	XS
20	DSA32304	Nguyễn Thị Minh Thanh	7/11/1983	Tốt
21	DSA32332	Đinh Văn Thanh	1/2/1981	Tốt
22	DSA32325	Nguyễn Văn Thành	26/12/2001	XS
23	DSA32320	Ngô Thị Thương	28/4/1993	Tốt
24	DSA32334	Nguyễn Ngọc Toán	28/11/1988	XS
25	DSA32314	Phạm Sỹ Trung	20/2/1992	Tốt
26	DSA32305	Nguyễn Thị Ngọc Vân	17/4/1983	Tốt
27	DSA32316	Trần Thị Vân	23/8/1996	Tốt
28	DSA32318	Phạm Thị Hoàng Yến	27/11/1987	XS



DANH SÁCH KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP CĐ D7A3
HỌC KỲ 2; NĂM HỌC 2024 - 2025

*(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-CDYT ngày 25/9/2025 của Hiệu trưởng Trường
Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)*

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Xếp loại
1	DSA32403	Ngô Trí Bình	24/6/1995	XS
2	DSA32426	Ngô Thị Thúy Chinh	10/10/1981	Tốt
3	DSA32421	Nguyễn Thị Hà	21/11/1993	Tốt
4	DSA32431	Nguyễn Thu Hường	16/4/1989	Tốt
5	DSA32407	Nguyễn Công Minh	17/8/2000	XS
6	DSA32414	Đỗ Thị Mừng	3/1/1982	Tốt
7	DSA32404	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	12/4/1988	Tốt
8	DSA32424	Hoàng Hoa Quỳnh	17/7/1990	Tốt
9	DSA32419	Nguyễn Thế Tài	26/11/1984	Tốt
10	DSA32408	Nguyễn Thị Thắm	15/10/1988	Tốt
11	DSA32428	Nguyễn Thị Thủy	17/7/1986	Tốt
12	DSA32420	Phạm Thị Thủy	20/5/1980	Khá
13	DSA32430	Phạm Văn Vĩnh	18/6/1990	Tốt